

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 900 /ĐHKTD-QLKH

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2022

V/v: Kiến nghị chính sách để ổn định kinh tế vĩ mô,
lành mạnh tài chính, và hồi phục kinh tế trong
bối cảnh đại dịch COVID-19

Kính gửi: Lãnh đạo Ủy ban Kinh tế Quốc hội

Trong bối cảnh mới “sống chung” và “phản ứng linh hoạt” với đại dịch COVID-19, kinh tế Việt Nam đã có những bước hồi phục đáng kể trong Quý 1 năm 2022. Tuy nhiên, hệ thống tài chính tiền tệ trong năm 2021 và những tháng đầu năm 2022 còn có những vấn đề nổi cộm như mức độ an toàn vốn của hệ thống ngân hàng suy giảm do chất lượng tài sản giảm sút và danh mục tài sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; nợ xấu có xu hướng gia tăng; rủi ro bong bóng tài sản hiện hữu trên thị trường bất động sản; thị trường chứng khoán phát triển chưa thực sự lành mạnh và minh bạch; thị trường trái phiếu doanh nghiệp xuất hiện nhiều dấu hiệu bất ổn; nợ công có xu hướng gia tăng khi Chính phủ thực thi các giải pháp hỗ trợ kinh tế.... Những vấn đề này ở khu vực tài chính tiền tệ nếu không được xử lý hiệu quả, thì những rủi ro có thể lây nhiễm sang khu vực kinh tế thực, theo đó, quá trình hồi phục kinh tế và phát triển bền vững sẽ trở nên khó khăn hơn.

Đứng trước vấn đề trên, với vai trò là cơ quan nghiên cứu tư vấn chiến lược và chính sách kinh tế xã hội, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xin gửi đến đồng chí một số kiến nghị chính sách sau để ổn định kinh tế vĩ mô, lành mạnh tài chính, và hồi phục kinh tế trong bối cảnh đại dịch COVID-19.

Kiến nghị 1: tập trung vào các chính sách tác động đến tổng cầu trong ngắn hạn.
Hiện nay, tăng trưởng kinh tế đang ở dưới mức tăng trưởng tiềm năng, trong khi cung tiền và tín dụng trên GDP đang ở mức cao nên gây sức ép đến lạm phát và ổn định vĩ mô trong trung hạn. Để đảm bảo cân bằng bên trong của nền kinh tế thì sản lượng cần được duy trì gần mức tiềm năng; theo đó, Chính phủ cần thực hiện các chính sách tác động đến tổng cầu trong ngắn hạn để đẩy nền kinh tế quay nhanh trở lại mức tiềm năng. Tuy nhiên, chính sách cần được nói lỏng một cách thận trọng để tránh gây rủi ro bất ổn kinh tế vĩ mô.

Kiến nghị 2: kiểm soát chặt chẽ cung tiền và hướng tín dụng vào khu vực sản xuất để kiểm soát và ổn định lạm phát. Ngân hàng Nhà nước cần kiểm soát chặt chẽ cung tiền nhưng cần cho phép nới lỏng chỉ tiêu tín dụng ở các ngân hàng có chỉ tiêu an toàn cao (ví dụ đáp ứng được các tiêu chí của Basel II và có tỷ lệ nợ xấu thấp) để gia tăng các dòng vốn tín dụng có chất lượng đến nền kinh tế. Đồng thời, cần thực thi chính sách tín dụng ưu đãi có chọn lọc tập trung vào các doanh nghiệp có ảnh hưởng lan tỏa lớn đến các doanh nghiệp, các khu vực khác của nền kinh tế; các doanh nghiệp hạt nhân của các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, đặc biệt là các doanh nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong chuỗi và doanh nghiệp có thị phần xuất khẩu lớn, đảm bảo duy trì được đơn hàng và lợi thế cạnh tranh quốc gia. Ngoài ra, cần ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp lớn có khả năng nghiên cứu và ứng dụng, triển khai đổi mới sáng tạo tốt hơn, tạo ra được lợi thế cạnh tranh đi đầu về năng lực sản xuất (hoặc rút ngắn khoảng cách) với các doanh nghiệp hàng đầu trên thế giới.

Kiến nghị 3: theo đuổi chính sách tài khóa nghịch chu kỳ, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Đối với các chính sách vĩ mô, thì chính sách tài khóa là chính sách hỗ trợ quan trọng và có hiệu quả nhất hiện nay. Cần theo đuổi chính sách tài khóa nghịch chu kỳ: mở rộng chi tiêu, chấp nhận bội chi cao, ưu tiên cho tăng trưởng, gia tăng hỗ trợ tài khóa 5-6% GDP trong ít nhất 2-3 năm tới. Tuy nhiên, chính sách tài khóa hỗ trợ hiệu quả chỉ khi chi tiêu đầu tư công hiệu quả. Trong bối cảnh khu vực tư nhân còn khó khăn như hiện nay, thì đầu tư công được coi là một động lực tăng trưởng quan trọng, đồng thời là “vốn môi” để lan tỏa đến khu vực doanh nghiệp. Cần đẩy mạnh giải ngân đầu tư công thông qua tháo gỡ các nút thắt thể chế và tạo cơ chế đặc thù để tập trung vào các dự án lớn, các công trình trọng điểm quốc gia, có tính kết nối cao, liên kết vùng, có tính lan tỏa cao... như các dự án giao thông, năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu, viễn thông, chuyển đổi số,... Đi kèm với thúc đẩy đầu tư công, cũng cần xây dựng cơ chế đặc biệt để giám sát việc thực hiện giải ngân vốn đầu tư công trong giai đoạn hiện nay, để đảm bảo việc giải ngân nhanh chóng nhưng phải có hiệu quả cao, tránh lãng phí, thất thoát, tham nhũng.

Kiến nghị 4: chính sách phục hồi việc làm trong các ngành bị tác động nặng nề bởi COVID-19. Cần chủ động và tích cực triển khai hiệu quả 12 chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo tinh thần của Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021. Ưu tiên chú trọng thực hiện tốt chính sách hỗ trợ

cho người lao động tạm hoãn hợp đồng, nghỉ việc không lương, ngừng việc, chấm dứt hợp đồng và hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho người lao động. Đẩy mạnh áp dụng số hóa trong hỗ trợ tìm kiếm việc làm và hỗ trợ kết nối giữa người lao động và người sử dụng lao động, đảm bảo liên thông thị trường lao động toàn quốc. Hỗ trợ đào tạo lại lao động, đảm bảo rằng người lao động có thể tăng khả năng linh hoạt trên thị trường và khả năng được tuyển dụng, giảm bớt nhóm người lao động thất nghiệp tiềm năng.

Kiến nghị 5: tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp về cơ cấu lại và xử lý nợ xấu, đặc biệt là sau khi Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025 được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nợ xấu cần tiếp tục được xử lý dựa vào các biện pháp mạnh mẽ về pháp lý.

Chính phủ nên xem xét đề xuất Quốc hội sớm tổng kết Nghị quyết 42, tiến tới luật hóa Nghị quyết 42 trên cơ sở rà soát, hoàn thiện và hệ thống hóa các quy định pháp luật liên quan; hoặc ít nhất là gia hạn, có điều chỉnh phù hợp Nghị quyết 42 theo hướng tiếp thu các mặt được, giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực thi.

Cùng với luật hóa Nghị quyết 42, NHNN và các cơ quan quản lý nhà nước cần rà soát toàn diện các luật khác có liên quan tới xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của TCTD gồm các Luật thuế, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Thi hành án dân sự, Luật Phá sản, Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản Luật về tài nguyên... để phân tích, đánh giá, chỉ ra các điểm chưa thống nhất, còn mâu thuẫn với nguyên tắc xử lý nợ xấu của các TCTD để định hướng xây dựng Luật về xử lý nợ xấu của các TCTD đảm bảo hài hòa, kết nối với các quy định của pháp luật khác có liên quan; đồng thời, có quy định rõ nguyên tắc ưu tiên áp dụng Luật về xử lý nợ xấu của các TCTD khi phát sinh quy định khác nhau giữa Luật về xử lý nợ xấu của các TCTD và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Kiến nghị 6: xây dựng thị trường chứng khoán phát triển một cách bền vững.

Cần tạo điều kiện hỗ trợ phát triển thị trường chứng khoán ổn định, vững chắc, đảm bảo là kênh cung ứng vốn trung dài hạn quan trọng của nền kinh tế, giảm gánh nặng cho khu vực ngân hàng.

Tăng quy mô thị trường cổ phiếu và đa dạng hoá sản phẩm chứng khoán thông qua các giải pháp tăng số lượng, chất lượng hàng hoá, thúc đẩy cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo hướng minh bạch gắn với xếp hạng tín nhiệm. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý, giám sát thị trường tài chính để kịp thời phát hiện các rủi ro phát sinh trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Tập trung chiến lược cho phát triển các nhà đầu tư có tổ chức thông qua việc mở rộng quy mô và phát triển đa dạng các loại hình quỹ đầu tư. Chú trọng đẩy mạnh giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về chứng khoán; phối hợp chặt chẽ với cơ quan công an trong xác minh, điều tra, xử lý tội phạm trên thị trường chứng khoán. Tăng cường các hoạt động phổ biến kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Xây dựng và hoàn thiện quy trình quản lý rủi ro hệ thống (systemic risk) nhằm đảm bảo tính ổn định cho toàn thị trường. Nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát thị trường chứng khoán và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; tăng cường năng lực giám sát, quản lý, cưỡng chế và thực thi của cơ quan quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế

Kiến nghị 7: bình ổn thị trường bất động sản, kiểm soát dòng tiền đầu cơ.

Xem xét trái phiếu doanh nghiệp bất động sản như một khoản nợ BĐS dưới chuẩn, áp dụng trích lập dự phòng rủi ro với mọi định chế (gồm cả công ty chức khoán, quỹ...) nắm giữ loại giấy tờ có giá này.

Cần hoàn thiện thể chế với việc định giá, tư vấn, phát hành, mua bán trái phiếu doanh nghiệp trong hệ thống theo hướng loại bỏ mọi mọi xung đột lợi ích trên thị trường. Quy định rõ tổ chức, định chế nào được tư vấn, tổ chức nào được xếp hạng tín nhiệm, tổ chức nào được mua bán sản phẩm nợ. Mỗi khâu trên thị trường nợ cần được đảm bảo không có xung đột lợi ích, các định chế tham gia độc lập; điều này sẽ làm giảm khả năng thị trường nợ bị thao túng, đảm bảo duy trì lành mạnh cho hệ thống.

Giảm tính chất đầu cơ trên thị trường BĐS, cần loại bỏ xung đột lợi ích cơ bản trên thị trường BĐS, tính tới nhanh chóng áp dụng Luật Tài sản. Cần siết chặt kỷ cương về lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện quy hoạch tại mọi cấp chính quyền. Xây dựng và nâng cao hiệu

qua giám sát tuân thủ đối với lập, thực hiện, quản lý quy hoạch sử dụng đất, đô thị từ trung ương đến địa phương. Cần có sửa đổi quy định về định giá đất đai. Quy định về định giá đất cần điều chỉnh theo hướng đơn vị tư vấn khung giá và đơn vị thẩm định giá phải độc lập với cơ quan làm chính sách, cơ quan quản lý và giám sát về đất đai, cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Hạn chế rủi ro dòng tiền hỗ trợ chảy vào các lĩnh vực đầu cơ trên thị trường bất động sản. Cần chú trọng vào việc hướng chuyển các dòng vốn tín dụng vào các khu vực sản xuất và nền kinh tế thực, kiểm soát chặt chẽ tăng trưởng “nóng” ở các thị trường tài sản. Bên cạnh chính sách tài khoá như thuế tài sản để hạn chế dòng tiền đầu cơ vào thị trường bất động sản; chính sách tiền tệ như chính sách lãi suất, tỷ lệ tài trợ cho khoản vay mua nhà đất cần có khác biệt giữa BĐS đầu tiên mà cá nhân, hộ gia đình sở hữu với BĐS thứ hai và thứ ba. Kiểm soát cung tiền vào thị trường BĐS và nắn dòng tiền của khu vực ngân hàng vào khu vực nền kinh tế thực, lĩnh vực lan tỏa (sản xuất, kinh doanh, tạo công ăn việc làm) bằng các biện pháp kiểm soát tín dụng vào BĐS có chọn lọc như giám sát việc tài trợ các dự án BĐS thuộc cổ đông lớn và người có liên quan đến cổ đông lớn của ngân hàng, giám sát các hình thức ủy thác, repo BĐS, tăng cường giám sát rủi ro tại các tổ chức tín dụng có dấu hiệu bất ổn liên quan đến đầu tư/kinh doanh BĐS.

Kiến nghị 8: đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng dựa vào công nghệ - đổi mới sáng tạo, có tư duy chấp nhận rủi ro và khuyến khích tinh thần khởi nghiệp.

Cuộc CMCN 4.0 đang diễn ra mang lại những cơ hội lớn và cả những thách thức đối với Việt Nam. Đây chính là thời điểm mà năng lực sáng tạo cần được thể hiện đúng vai trò, đúng xu thế chung của thế giới: xây dựng quốc gia phát triển dựa vào KH&CN, đổi mới sáng tạo thay vì dựa vào vốn, tài nguyên, lao động như hiện nay. CMCN 4.0 tạo đột phá công nghệ, thay đổi cơ bản phương thức sản xuất với sự kết hợp giữa hệ thống thực và hệ thống ảo; phá bỏ các giới hạn về vật chất của quá trình phát triển; có thể tạo ra quy mô và tốc độ phát triển nhanh và mạnh chưa từng có tiền lệ trong lịch sử về kinh tế, xã hội và môi trường trên toàn cầu, trong khu vực và trong từng nền kinh tế. Do đó, chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng cần chuyển dần sang dựa vào công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên sáng tạo và đổi mới công nghệ diễn ra trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, vừa tạo ra cơ hội cho phát triển nhưng cũng nảy sinh nhiều thách thức mới, đòi hỏi phải có những đổi mới tư duy và sáng tạo, có cam kết mạnh

mẽ và chỉ đạo quyết liệt, thống nhất từ Trung ương đến địa phương; phải có những cải cách mạnh mẽ về thể chế thị trường để mở rộng không gian và tạo động lực mới cho huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; khuyến khích và tạo điều kiện để tất cả tầng lớp nhân dân đều tham gia vào quá trình đổi mới và phát triển đất nước.

Để có thể đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo, Việt Nam cần xây dựng được nền tảng chính sách cho đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, bản chất của hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo là có rủi ro. Đổi mới sáng tạo là sẵn sàng làm một cái gì đó mới mẻ và phải biết chấp nhận rủi ro từ cái mới đó. Chấp nhận rủi ro đòi hỏi phải có sự kiên trì để đạt mục tiêu dài hạn, quyết định lựa chọn đầu tư mạnh mẽ vào nghiên cứu và phát triển. Nếu không biết chấp nhận cái mới, chấp nhận rủi ro và thiếu sự kiên trì thì không thể có đổi mới sáng tạo. Do đó, phải có tư duy chấp nhận rủi ro và khuyến khích tinh thần khởi nghiệp nhằm tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo.

Kiến nghị 9: tận dụng và khai thác lợi thế của người đi sau.

Bên cạnh việc tăng cường đầu tư và tích lũy vốn (bao gồm cả vốn tư bản và vốn con người), để đuổi kịp các quốc gia trong khu vực, Việt Nam nên tận dụng lợi thế người đi sau, theo đó, nên tập trung vào việc tiếp nhận và hấp thu công nghệ thay vì phát minh mới. Việc lựa chọn con đường theo hướng phát minh công nghệ mới chỉ nên thực hiện khi hội tụ đủ vốn con người và các điều kiện thuận lợi khác. Với tư cách là một quốc gia đi sau trong quá trình phát triển kinh tế, học hỏi được nhiều kinh nghiệm từ những thất bại và thành công của các quốc gia khác, trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, Việt Nam cần triệt để tận dụng lợi thế đi sau của mình, tập trung chủ yếu vào lựa chọn và tạo không gian phát triển các ngành kinh tế ưu tiên và phát triển doanh nghiệp ngang tầm khu vực, đủ sức cạnh tranh quốc tế. Điều này đòi hỏi những chính sách khuyến khích, thúc đẩy hình thành các tập đoàn kinh tế lớn, đa sở hữu, hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, có khả năng tạo ra hiệu ứng lan tỏa nội ngành và tới toàn bộ nền kinh tế. Kinh nghiệm phát triển của các nước công nghiệp mới nổi cho thấy, các tập đoàn công nghệ có khả năng nâng tầm phát triển trình độ công nghệ quốc gia nếu nhận được sự hỗ trợ phù hợp từ chính sách của nhà nước, bao gồm cả các Quỹ đầu tư mạo hiểm có qui mô lớn.

Kiến nghị 10: phát triển kinh tế số là động lực tăng trưởng mới.

Kinh tế số là một động lực tăng trưởng mới cho tăng trưởng trong giai đoạn phát triển sắp tới, vì vậy, các chính sách cũng nên hướng tập trung vào lĩnh vực này. Cần thực hiện các chính sách kinh tế ưu đãi về thuế, về tín dụng... đối với các doanh nghiệp đầu tư vào khoa học công nghệ, đổi mới, ứng dụng công nghệ cao, hiện đại vào sản xuất. Hơn nữa, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam còn khá lạc hậu, số lượng các doanh nghiệp tham gia các hoạt động đổi mới sáng tạo còn hạn chế, tỷ lệ các doanh nghiệp chi cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển rất thấp. Do đó, cần khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, công nghệ sản xuất, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và đội ngũ doanh nhân.

Đặc biệt, Chính phủ cần tạo dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật số để các doanh nghiệp hòa nhập và nắm bắt được xu hướng và thế mạnh của kỷ nguyên kinh tế số. Đầu tư công vào phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin/viễn thông (điện toán đám mây, mạng và bảo mật dữ liệu cũng như các nền tảng thương mại điện tử, bao gồm cả cho hàng hóa trung gian), thanh toán điện tử và ngân hàng điện tử (tương tự như thuế điện tử, hải quan điện tử và thanh toán điện tử của chính phủ, v.v...), sẽ giúp các doanh nghiệp tư nhân (đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa cải thiện sự sẵn sàng đối với kỷ nguyên công nghệ số.

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân trân trọng cảm ơn đồng chí đã lắng nghe và mong muốn được tiếp tục đóng góp tư vấn chính sách trong những sự kiện quan trọng khác của đất nước.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, QLKH.


GS.TS Phạm Hồng Chương